

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 44

008
2NS
VI
CH
TNK

T
C
C
A
S

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 ("Công ty"), trước đây là Công ty Xây dựng số 3 – thành viên Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Sau đó, Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 13 vào ngày 18 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây lắp, sản xuất và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 249, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Thành	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thành viên	
Ông Lê Quang Đức	Thành viên	
Ông Phạm Văn Hoan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2017
Ông Lê Đức Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2017

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Tiến Nhung	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Việt Bằng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Minh Huệ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Trương Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2017
Ông Phạm Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:



 Phạm Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61357015/19534938-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 11 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 11 tháng 8 năm 2016. Ngoài ra, công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 24 tháng 2 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Công Khanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		712.458.254.353	985.208.994.530
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	327.739.497.692	284.016.148.008
111	1. Tiền		38.539.497.692	33.616.148.008
112	2. Các khoản tương đương tiền		289.200.000.000	250.400.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	277.215.027.939	331.592.906.800
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	70.153.680.196	117.737.590.173
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	23.861.546.396	29.842.975.312
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	13.000.000.000	13.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	219.512.548.588	220.525.088.556
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,7	(49.312.747.241)	(49.512.747.241)
140	III. Hàng tồn kho	9	105.731.142.895	365.541.666.390
141	1. Hàng tồn kho		109.595.676.242	369.406.199.737
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.864.533.347)	(3.864.533.347)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.772.585.827	4.058.273.332
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		968.086.320	25.141.210
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		804.499.507	4.033.132.122

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017


Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		157.623.299.924	166.937.870.160
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		25.091.741.024	25.091.741.024
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	25.000.000.000	25.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		91.741.024	91.741.024
220	II. Tài sản cố định		31.206.889.318	38.729.440.433
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27.864.688.361	35.321.601.060
222	Nguyên giá		58.189.802.124	85.526.672.422
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(30.325.113.763)	(50.205.071.362)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.342.200.957	3.407.839.373
228	Nguyên giá		4.690.894.383	4.690.894.383
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.348.693.426)	(1.283.055.010)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	48.280.881.724	49.968.786.724
231	1. Nguyên giá		86.631.994.392	86.631.994.392
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(38.351.112.668)	(36.663.207.668)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.586.012.681	1.586.012.681
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.586.012.681	1.586.012.681
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	49.097.850.814	47.597.850.814
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.350.000.000	2.850.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		54.991.457.100	54.991.457.100
259	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(10.243.606.286)	(10.243.606.286)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.359.924.363	3.964.038.484
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.359.924.363	3.964.038.484
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		870.081.554.277	1.152.146.864.690

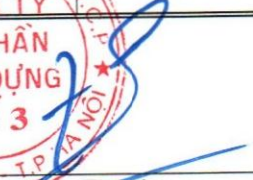
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		550.941.747.299	854.214.039.999
310	I. Nợ ngắn hạn		477.701.501.753	776.091.597.453
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	55.878.882.824	76.928.296.784
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	181.592.703.222	491.334.871.751
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.558.668.791	6.040.651.209
314	4. Phải trả người lao động		575.370.544	2.294.181.336
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	47.922.678.588	37.651.540.148
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	3.183.090.000	3.183.090.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	100.541.534.692	85.043.692.757
320	8. Vay ngắn hạn	19	82.778.844.493	70.732.044.869
323	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.669.728.599	2.883.228.599
330	II. Nợ dài hạn		73.240.245.546	78.122.442.546
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	41.783.609.546	43.375.154.546
337	2. Phải trả dài hạn khác		210.000.000	210.000.000
338	3. Vay dài hạn	19	31.246.636.000	34.537.288.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		319.139.806.978	297.932.824.691
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	319.139.806.978	297.932.824.691
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		283.794.610.000	219.997.420.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		283.794.610.000	219.997.420.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.100.000.000	2.100.000.000
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		56.608.219	56.608.219
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.188.588.759	75.778.796.472
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		969.735.472	552.646.683
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		32.218.853.287	75.226.149.789
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		870.081.554.277	1.152.146.864.690


Kiều Thị Thu Trang
Người lập


Phan Tạ Thanh Huyền
Kế toán trưởng


Phạm Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	373.303.813.481	208.491.744.155
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	373.303.813.481	208.491.744.155
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(323.726.715.042)	(170.247.714.359)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.577.098.439	38.244.029.796
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	2.341.105.570	1.094.501.689
22	7. Chi phí tài chính		(2.916.329.157)	(178.172.218)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.916.329.157	178.172.218
25	8. Chi phí bán hàng		(278.809.473)	(443.524.863)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(10.246.457.884)	(14.551.178.474)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.476.607.495	24.165.655.930
31	11. Thu nhập khác		2.515.687.090	1.251.308.615
32	12. Chi phí khác		(718.727.976)	(265.550.978)
40	13. Lợi nhuận khác		1.796.959.114	985.757.637
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.273.566.609	25.151.413.567
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(8.054.713.322)	(5.030.282.713)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		32.218.853.287	20.121.130.854

Kiều Thị Thu Trang
Người lập

Phan Tạ Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phân loại lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		40.273.566.609	25.151.413.567
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		3.814.608.250	3.645.989.834
03	Các khoản dự phòng		(200.000.000)	788.234.666
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.856.779.361)	976.136.234
06	Chi phí lãi vay		2.916.329.157	178.172.218
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		41.947.724.655	30.739.946.519
09	Giảm các khoản phải thu		54.924.675.798	37.764.775.719
10	Giảm hàng tồn kho		259.810.523.495	160.209.304.626
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(311.689.470.686)	9.452.540.638
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		661.169.011	(944.236.132)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.420.570.135)	(2.272.449.064)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.606.106.304)	(8.326.118.664)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(213.500.000)	(1.665.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.414.445.834	224.958.763.642
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(88.465.045)	(14.751.036.363)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.500.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		1.800.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.341.092.271	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) vào hoạt động đầu tư		10.552.627.226	(14.751.036.363)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phân loại lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		17.871.914.124	43.673.211.376
34	Tiền trả nợ gốc vay		(9.115.766.500)	(14.975.822.100)
36	Cổ tức đã trả cho các cổ đông	20.1	(10.999.871.000)	(15.239.254.225)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào/từ hoạt động tài chính)		(2.243.723.376)	13.458.135.051
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		43.723.349.684	223.665.862.330
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		284.016.148.008	157.990.377.957
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	327.739.497.692	381.656.240.287

Kiều Thị Thu Trang
Người lập

Phan Tạ Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (“Công ty”), trước đây là Công ty Xây dựng số 3 – thành viên Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Sau đó, Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 13 vào ngày 18 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây lắp, sản xuất và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty căn cứ theo thời gian thi công của các công trình và các dự án kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 249, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 418 (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 430).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 2 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác chợ B.O.T	90%	90%	Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	51%	51%	Hà Nội, Việt Nam	Xây lắp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng hoá bất động sản

Bất động sản, quyền sử dụng đất được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc để cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hoá bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các chi phí phát triển đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của hàng hoá bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành hàng hoá bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của hàng hoá bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho khác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	20 - 30 năm
Cơ sở hạ tầng	20 - 30 năm

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được cấp cho Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được ngừng ghi nhận trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng chi phí bảo hành cho căn hộ

Công ty ước tính chi phí dự phòng bảo hành dựa trên doanh thu và các thông tin hiện có về việc sửa chữa của các căn hộ và biệt thự đã bán trong quá khứ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ *Quỹ đầu tư và phát triển:* quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- ▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi:* quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.
- ▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:* là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, được trích lập để bổ sung vốn điều lệ khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3.15 Tiền trả trước từ khách hàng mua nhà

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua nhà ở, căn hộ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro trọng yếu và các lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang cho người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ hoạt động hợp tác đầu tư

Thu nhập từ hoạt động hợp tác đầu tư được xác định là phần doanh thu được chia sẻ và xác định một cách chắc chắn theo hợp đồng hợp tác đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

3.17 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu của dự án. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ xây lắp. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	1.497.305.388	1.313.020.122
Tiền gửi ngân hàng	37.042.192.304	32.303.127.886
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>289.200.000.000</u>	<u>250.400.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>327.739.497.692</u>	<u>284.016.148.008</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 4,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Học viện Quốc phòng	7.159.240.000	7.159.240.000
Sở Xây dựng Thái Bình	676.995.359	21.862.502.159
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	-	15.261.561.874
Các khoản phải thu khách hàng khác	62.127.710.066	72.206.343.848
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	189.734.771	1.247.942.292
TỔNG CỘNG	<u>70.153.680.196</u>	<u>117.737.590.173</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.696.375.464)	(31.896.375.464)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)</i>
Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng - Thành phố Thái Nguyên	-	6.769.245.997
Các khoản trả trước khác	23.828.599.075	23.073.729.315
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	32.947.321	-
TỔNG CỘNG	<u>23.861.546.396</u>	<u>29.842.975.312</u>

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)</i>
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Một thành viên Mai Động (i)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>13.000.000.000</u>	<u>13.000.000.000</u>
Dài hạn		
Cho vay cá nhân ngắn hạn (ii)	25.000.000.000	25.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>25.000.000.000</u>	<u>25.000.000.000</u>

(i) Khoản phải thu 13 tỷ VND từ cho Công ty TNHH Một thành viên Mai Động vay với lãi suất 1,06%/tháng.

(ii) Khoản phải thu 25 tỷ VND từ cho một đối tác cá nhân vay với lãi suất 10,1%/năm và sẽ đến hạn vào ngày 18 tháng 10 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)</i>
Tạm ứng thực hiện đầu tư (*)	148.967.917.390	148.526.917.390
Tạm ứng cho các đội thi công	37.086.397.419	41.522.043.134
Công ty Cổ phần Đầu tư Chuyên nghiệp Việt Nam (**)	14.400.000.000	14.400.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Mai Động (***)	11.198.454.622	11.198.454.622
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC (***)	2.930.472.638	2.930.472.638
Tài sản thiếu chờ xử lý	775.886.455	775.886.455
Phải thu ngắn hạn khác	4.130.321.368	1.094.673.463
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	23.098.696	76.640.854
TỔNG CỘNG	219.512.548.588	220.525.088.556
Dự phòng tạm ứng cho các đội thi công	(17.616.371.777)	(17.616.371.777)

(*) Đây là số tiền đã được tạm ứng để đầu tư vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng.

(**) Đây là khoản đặt cọc mua cổ phần của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, gia công chèn.

(***) Ngày 20 tháng 9 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng liên danh số 135LD/CT3 với Công ty TNHH Một thành viên Mai Động và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC để thực hiện Dự án 310 Minh Khai – Hà Nội. Theo đó, ba bên thỏa thuận việc phân chia lợi nhuận từ dự án này như sau: Công ty: 45%; Công ty TNHH Một thành viên Mai Động: 40% và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC: 15%.

Số dư phải thu cuối kỳ phần lớn bao gồm khoản phải thu tiền tạm ứng lợi nhuận từ hoạt động liên danh sau khi đã bù trừ với phần lợi nhuận phải trả và các chi phí chi hộ khác. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty cùng các bên liên danh đang trong quá trình quyết toán lợi nhuận của thỏa thuận này, theo đó, việc xác định lợi nhuận được chia có thể sẽ thay đổi theo phê duyệt quyết toán cuối cùng của các bên tham gia liên danh.

8. NỢ KHÓ ĐÒI

Chi tiết các khoản phải thu và tạm ứng quá hạn thu hồi của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	56.974.702.215	25.278.326.751	55.111.940.843	23.215.565.379
Học viện Quốc phòng	7.159.240.000	-	7.159.240.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	49.815.462.215	25.278.326.751	47.952.700.843	23.215.565.379
Các khoản tạm ứng BQLDA Xây dựng Giao thông Bắc Ninh - Công trình 280 Lương Tài Bắc Ninh	5.304.667.509	5.304.667.509	5.304.667.509	5.304.667.509
BQLDA Xây dựng Giao thông Bắc Ninh - Cải tạo, nâng cấp TL 283	4.920.064.170	4.920.064.170	2.862.569.851	2.862.569.851
Các khoản tạm ứng khác	30.039.007.004	12.422.635.227	33.569.402.668	15.953.030.891
TỔNG CỘNG	97.238.440.898	47.925.693.657	96.848.580.871	47.335.833.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.566.195.073	(42.992.969)	2.616.226.444	(42.992.969)
Công cụ, dụng cụ	160.113.770	-	160.113.770	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.004.909.483	(3.821.540.378)	364.827.283.533	(3.821.540.378)
Dự án Khu Đô thị Thái Bình	24.998.075.811	-	25.204.790.147	-
Dự án Khu Đô thị Trung Văn	10.623.995.773	-	164.452.840.180	-
Dự án Phan Đình Phùng – Thái Nguyên	41.342.290.105	-	142.905.338.309	-
Dự án 310 Minh Khai – Hà Nội	2.020.244.142	-	2.020.244.142	-
Các công trình xây lắp và kinh doanh bất động sản khác	26.020.303.652	(3.821.540.378)	30.244.070.755	(3.821.540.378)
Thành phẩm	1.864.457.916	-	1.802.575.990	-
TỔNG CỘNG	109.595.676.242	(3.864.533.347)	369.406.199.737	(3.864.533.347)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	3.864.533.347	3.864.533.347
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>3.864.533.347</u>	<u>3.864.533.347</u>

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	19.741.773.923	23.364.296.940	41.701.645.669	718.955.890	85.526.672.422
- Mua trong kỳ	-	88.465.045	-	-	88.465.045
- Thanh lý, nhượng bán	(73.878.205)	(3.532.110.101)	(23.819.347.037)	-	(27.425.335.343)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	19.667.895.718	19.920.651.884	17.882.298.632	718.955.890	58.189.802.124
Trong đó:					
Đã khấu hao lũy kế:	444.305.348	789.485.894	2.879.200.164	718.955.890	4.831.947.296
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	9.619.323.178	17.469.308.275	22.397.484.019	718.955.890	50.205.071.362
- Khấu hao trong kỳ	605.913.235	599.165.500	855.986.099	-	2.061.064.834
- Thanh lý, nhượng bán	(71.697.000)	(3.183.826.183)	(18.685.499.250)	-	(21.941.022.433)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	10.153.539.413	14.884.647.592	4.567.970.868	718.955.890	30.325.113.763
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	10.122.450.745	5.894.988.665	19.304.161.650	-	35.321.601.060
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	9.514.356.305	5.036.004.292	13.314.327.764	-	27.864.688.361
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp	-	-	13.229.132.363	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Thương hiệu Vinaconex</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.375.894.383	315.000.000	4.690.894.383
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	4.375.894.383	315.000.000	4.690.894.383
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	315.000.000	315.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	968.055.010	315.000.000	1.283.055.010
Khấu hao trong kỳ	65.638.416	-	65.638.416
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.033.693.426	315.000.000	1.348.693.426
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.407.839.373	-	3.407.839.373
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	3.342.200.957	-	3.342.200.957

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	86.631.994.392
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	86.631.994.392
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	36.663.207.668
Khấu hao trong kỳ	1.687.905.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	38.351.112.668
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	49.968.786.724
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	48.280.881.724

Bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Chợ Thương (Bắc Giang), Chợ Phương Lâm (Hòa Bình) và Chợ Bo (Thái Bình). Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu thị trường để xác định giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng (VND) (*)	Giá trị hợp lý (VND) (*)	Giá trị hợp lý (VND) (*)
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)					
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác chợ B.O.T	1.800.000.000	180.000	-	300.000.000	30.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	2.550.000.000	255.000	-	2.550.000.000	255.000
TỔNG CỘNG	4.350.000.000		-	2.850.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội (**)	20.000.000.000	2.000.000	-	-	-
- Công ty Tài chính Cổ phần VINACONEX – Viettel (**)	9.775.000.000	850.000	(8.575.000.000)	20.000.000.000	2.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 11				9.775.000.000	850.000
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội	22.722.281.100	715.610	-	22.722.281.100	715.610
- Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	2.494.176.000	249.417	(1.668.606.286)	2.494.176.000	249.417
TỔNG CỘNG	54.991.457.100		(10.243.606.286)	54.991.457.100	(10.243.606.286)

(*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

(**) Ngày 12 tháng 1 năm 2017, Công ty Tài chính Cổ phần VINACONEX – Viettel chính thức được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty Tài chính Cổ phần VINACONEX – Viettel đã chuyển thành khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội. Công ty đang trình chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một cá nhân với giá trị giao dịch là 23 tỷ VND (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Chợ B.O.T	90%	90%	90%	90%
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	51%	51%	51%	51%

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán (*)	52.008.919.715	52.008.919.715	72.896.705.107	72.896.705.107
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	3.869.963.109	3.869.963.109	4.031.591.677	4.031.591.677
TỔNG CỘNG	55.878.882.824	55.878.882.824	76.928.296.784	76.928.296.784

(*) Số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu bao gồm các khoản phải trả cho các nhà cung cấp và nhà thầu thi công tham gia vào các Dự án bất động sản và các công trình xây dựng của Công ty.

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Người mua trả tiền trước Dự án Khu nhà ở xã Trung Văn	66.457.809.068	263.242.485.988
Người mua trả tiền trước Dự án Khu dân cư số 5 – Phan Đình Phùng – Thái Nguyên	32.928.332.918	158.922.256.374
Người mua trả tiền trước Dự án Khu Đô thị Thái Bình	30.398.760.681	30.418.004.317
Người mua trả tiền trước khác	51.807.800.555	38.752.125.072
TỔNG CỘNG	181.592.703.222	491.334.871.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	1.761.548.701	855.929.463	(1.453.603.434)	1.163.874.730
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.176.121.720	4.819.402.858	(7.606.106.304)	1.389.418.274
Thuế thu nhập cá nhân	63.889.269	647.563.906	(706.077.388)	5.375.787
Các loại thuế khác	39.091.519	104.906.788	(143.998.307)	-
TỔNG CỘNG	<u>6.040.651.209</u>	<u>6.427.803.015</u>	<u>(9.909.785.433)</u>	<u>2.558.668.791</u>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã thu trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.873.264.882	(3.068.765.375)	-	804.499.507
Thuế khác	159.867.240	(159.867.240)	-	-
TỔNG CỘNG	<u>4.033.132.122</u>	<u>(3.228.632.615)</u>	-	<u>804.499.507</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trích trước chi phí dự phòng bảo hành và các chi phí khác liên quan đến công trình	33.380.969.080	33.380.969.080
Trích trước chi phí xây dựng Dự án khu dân cư số 5 – Phan Đình Phùng – Thái Nguyên	11.881.250.272	-
Trích trước chi phí lãi vay	1.605.917.273	909.223.342
Chi phí phải trả khác	1.054.541.963	3.361.347.726
TỔNG CỘNG	<u>47.922.678.588</u>	<u>37.651.540.148</u>

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Dự án Chợ Phương Lâm (Hòa Bình)	1.062.839.000	1.062.839.000
Dự án Chợ Thương (Bắc Giang)	1.126.305.000	1.126.305.000
Dự án Chợ Bo (Thái Bình)	993.946.000	993.946.000
TỔNG CỘNG	<u>3.183.090.000</u>	<u>3.183.090.000</u>
Dài hạn		
Dự án Chợ Phương Lâm (Hòa Bình)	18.762.995.913	19.294.415.413
Dự án Chợ Thương (Bắc Giang)	15.996.120.069	16.559.272.569
Dự án Chợ Bo (Thái Bình)	7.024.493.564	7.521.466.564
TỔNG CỘNG	<u>41.783.609.546</u>	<u>43.375.154.546</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đặt cọc mua nhà Dự án Khu dân cư số 5 – Phan Đình Phùng – Thái Nguyên	50.117.093.688	38.090.887.288
Quỹ bảo trì căn hộ giữ hộ khách hàng	30.782.946.017	31.505.491.017
Đặt cọc cho hoạt động đầu tư (*)	8.125.000.000	6.325.000.000
Bảo hiểm xã hội phải nộp	486.844.965	565.980.834
Các khoản phải trả khác	<u>11.029.650.022</u>	<u>8.556.333.618</u>
TỔNG CỘNG	<u>100.541.534.692</u>	<u>85.043.692.757</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>5.628.898.504</i>	<i>2.846.867.393</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>94.912.636.188</i>	<i>82.196.825.364</i>

(*) Bao gồm:

- ▶ Khoản trả trước với số tiền 6,3 tỷ VND từ một cá nhân để mua lại 2.000.000 cổ phần trong Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội (Thuyết minh số 13); và
- ▶ Khoản trả trước với số tiền 1,8 tỷ VND từ một đối tác doanh nghiệp để mua toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Chợ B.O.T (Thuyết minh số 26).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (19.1)	16.912.044.869	16.912.044.869	16.221.914.124	(4.568.882.500)	28.565.076.493	28.565.076.493
Vay ngắn hạn từ các bên liên quan (19.2)	53.400.000.000	53.400.000.000	1.650.000.000	(3.450.000.000)	51.600.000.000	51.600.000.000
Vay cá nhân	420.000.000	420.000.000	-	-	420.000.000	420.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (19.3)	-	-	3.290.652.000	(1.096.884.000)	2.193.768.000	2.193.768.000
	70.732.044.869	70.732.044.869	21.162.566.124	(9.115.766.500)	82.778.844.493	82.778.844.493
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (19.3)	9.537.288.000	9.537.288.000	-	(3.290.652.000)	6.246.636.000	6.246.636.000
Trái phiếu phát hành (19.4)	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
	34.537.288.000	34.537.288.000	-	(3.290.652.000)	31.246.636.000	31.246.636.000
TỔNG CỘNG	105.269.332.869	105.269.332.869	21.162.566.124	(12.406.418.500)	114.025.480.493	114.025.480.493



Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	16.583.857.033	Gốc vay đáo hạn từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 3 năm 2018. Lãi được trả hàng tháng, chậm nhất vào ngày 28 hàng tháng.	Áp dụng theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi suất được áp dụng trong kỳ hiện tại là 8%/năm.	Cho vay không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lâm	11.981.219.460	Gốc vay đáo hạn từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018. Lãi được trả hàng tháng, chậm nhất vào ngày cuối tháng.	Áp dụng theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tại thời điểm cuối kỳ, lãi suất là 8%/năm.	Cho vay không có tài sản đảm bảo

TỔNG CỘNG

28.565.076.493

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay ngắn hạn từ các bên liên quan

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan như sau (Thuyết minh số 26):

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội	50.100.000.000	Gốc vay đáo hạn từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017. Lãi được trả hàng tháng.	7,8%/năm	Cho vay không có tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	1.500.000.000	Gốc vay đáo hạn từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 11 năm 2017. Lãi được trả hàng tháng.	8%/năm	Cho vay không có tài sản đảm bảo

TỔNG CỘNG

51.600.000.000

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	4.591.404.000	Gốc vay đáo hạn vào tháng 4 năm 2021, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng	Lãi suất cố định 7,5%/năm cho 12 tháng đầu tiên, từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm cả nhân lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 3,35%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Tây Hồ	3.849.000.000	Gốc vay đáo hạn vào tháng 5 năm 2021, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng	Lãi suất cuối kỳ là 8,2%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay

TỔNG CỘNG

8.440.404.000

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 2.193.768.000
- Vay dài hạn 6.246.636.000

19.4 Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn

Đây là khoản trái phiếu doanh nghiệp phát hành cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Tài Chính Công Đoàn Dầu Khí Việt Nam có kỳ hạn 2 năm với lãi suất cố định 10%/năm.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	199.998.940.000	-	56.608.219	42.150.175.063	242.205.723.282
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.121.130.854	20.121.130.854
Trích các quỹ	-	2.100.000.000	-	(3.600.000.000)	(1.500.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	19.998.480.000	-	-	(19.998.480.000)	-
Cổ tức công bố bằng tiền trong kỳ	-	-	-	(16.049.915.200)	(16.049.915.200)
Giảm khác	-	-	-	(165.000.000)	(165.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	219.997.420.000	2.100.000.000	56.608.219	22.457.910.717	244.611.938.936
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	219.997.420.000	2.100.000.000	56.608.219	75.778.796.472	297.932.824.691
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	32.218.853.287	32.218.853.287
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	63.797.190.000	-	-	(63.797.190.000)	-
Cổ tức công bố bằng tiền trong kỳ (*)	-	-	-	(10.999.871.000)	(10.999.871.000)
Giảm khác	-	-	-	(12.000.000)	(12.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	283.794.610.000	2.100.000.000	56.608.219	33.188.588.759	319.139.806.978

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty năm 2017 ngày 10 tháng 3 năm 2017 và Nghị quyết số 0398/NQ/CT3-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 3 năm 2017, Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền tương ứng lần lượt là 63.797.190.000 VND và 10.999.871.000 VND vào tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của các cổ đông	283.794.610.000	283.794.610.000	-	219.997.420.000	219.997.420.000	-
TỔNG CỘNG	283.794.610.000	283.794.610.000	-	219.997.420.000	219.997.420.000	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu kỳ	219.997.420.000	199.998.940.000
Tăng vốn trong kỳ	63.797.190.000	19.998.480.000
Số cuối kỳ	283.794.610.000	219.997.420.000
Cổ tức đã chia	74.797.061.000	36.048.395.200

20.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức đã công bố và trả trong kỳ	74.797.061.000	36.048.395.200
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	74.797.061.000	36.048.395.200
- Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2016: 500 VND/cổ phiếu (2015: 800 VND/cổ phiếu)	10.999.871.000	16.049.915.200
- Cổ tức trả bằng cổ phiếu trên cổ phiếu phổ thông năm 2016: 2.900 VND/cổ phiếu (2015: 1.000 VND/cổ phiếu)	63.797.190.000	19.998.480.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.379.461	21.999.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	28.379.461	21.999.742
Cổ phiếu phổ thông	28.379.461	21.999.742
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.379.461	21.999.742
Cổ phiếu phổ thông	28.379.461	21.999.742
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng doanh thu	373.303.813.481	208.491.744.155
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu kinh doanh bất động sản	318.550.842.988	174.908.402.132
Doanh thu hợp đồng xây dựng	48.130.207.430	10.048.004.409
Doanh thu bán hàng hóa	1.672.702.272	23.535.337.614
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.950.060.791	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	373.303.813.481	208.491.744.155
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	373.266.104.390	208.491.744.155
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)	37.709.091	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi	1.615.294.182	1.094.501.689
Doanh thu hoạt động tài chính khác	725.811.388	-
TỔNG CỘNG	2.341.105.570	1.094.501.689

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn kinh doanh bất động sản	267.077.862.563	138.896.791.073
Giá vốn hợp đồng xây dựng	47.647.508.632	9.707.903.662
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.050.635.795	21.643.019.624
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.950.708.052	-
TỔNG CỘNG	323.726.715.042	170.247.714.359

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.701.635.285	5.901.972.221
Chi phí đồ dùng văn phòng	811.294.000	581.694.909
Chi phí khấu hao TSCĐ	225.599.000	296.039.000
Thuế, phí và lệ phí	232.806.768	319.654.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.492.290	169.839.383
Chi phí khác	4.218.630.541	7.281.978.087
TỔNG CỘNG	10.246.457.884	14.551.178.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (phân loại lại)</i>
Chi phí hình thành bất động sản trong kỳ	36.371.040.272	124.536.393.064
Chi phí nguyên vật liệu	9.428.715.471	12.788.114.355
Chi phí nhân công	10.605.000.443	13.836.140.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.814.608.250	3.645.989.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.398.591.084	10.707.338.621
Chi phí khác bằng tiền	7.823.503.383	7.810.723.970
TỔNG CỘNG	<u>74.441.458.903</u>	<u>173.324.699.875</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.054.713.322	5.030.282.713
TỔNG CỘNG	<u>8.054.713.322</u>	<u>5.030.282.713</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.273.566.609	25.151.413.567
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	8.054.713.322	5.030.282.713

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội	Công ty nhận vốn góp	Vay ngắn hạn	1.650.000.000	104.500.000.000
		Trả gốc vay	3.450.000.000	52.600.000.000
		Đặt cọc mua cổ phần	1.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	Công ty con	Góp vốn	-	2.550.000.000
		Vay ngắn hạn	-	1.500.000.000
		Trả tiền xây lắp	-	2.172.393.752
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Chợ B.O.T	Công ty con	Góp vốn	1.500.000.000	-
		Chi phí dịch vụ phải trả	1.910.162.222	-
		Chi phí dịch vụ đã trả	829.928.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thông thường trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội	Công ty nhận vốn góp	Phải thu về cước vận chuyển	133.415.000	58.200.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	Công ty con	Phải thu tiền bán bê tông	29.526.171	1.189.742.292
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Chợ B.O.T	Công ty con	Phải thu công trình xây dựng	26.793.600	-
			189.734.771	1.247.942.292
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	Công ty con	Trả trước cho Công trình xây dựng	32.947.321	-
			32.947.321	-
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	Công ty con	Phải thu tiền bảo hiểm	23.098.696	76.640.854
			23.098.696	76.640.854
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	Công ty con	Chi phí xây dựng phải trả	5.430.439	1.149.090.118
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Chợ B.O.T	Công ty con	Phải trả tiền vay và phải trả tiền quản lý chợ	3.864.532.670	2.882.501.559
			3.869.963.109	4.031.591.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19.2)				
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội	Công ty nhận vốn góp	Vay ngắn hạn	50.100.000.000	51.900.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Công nghệ số 3	Công ty con	Vay ngắn hạn	1.500.000.000	1.500.000.000
			51.600.000.000	53.400.000.000
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội	Công ty nhận vốn góp	Đặt cọc mua cổ phần	1.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Chợ B.O.T	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ	3.828.898.504	2.846.867.393
			5.628.898.504	2.846.867.393

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác			1.428.463.500	1.372.368.000
TỔNG CỘNG			1.428.463.500	1.372.368.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê này được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	174.050.590	174.050.590
Trên 1 đến 5 năm	696.202.360	696.202.360
Trên 5 năm	2.213.157.680	2.387.208.270
TỔNG CỘNG	3.083.410.630	3.257.461.220

28. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này:

Bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Đã được phân loại lại)</i>
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn (1)	38.000.000.000	(25.000.000.000)	13.000.000.000
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn (2)	44.242.975.312	(14.400.000.000)	29.842.975.312
136	Phải thu ngắn hạn khác (2),(4)	209.301.690.032	10.823.398.524	220.525.088.556
215	Phải thu về cho vay dài hạn (1)	-	25.000.000.000	25.000.000.000
311	Phải trả người bán ngắn hạn (3),(4)	20.956.398.352	55.971.898.432	76.928.296.784
331	Phải trả người bán dài hạn (3)	59.148.499.908	(59.148.499.908)	-

- (1) Công ty đã phân loại khoản phải thu từ cho vay cá nhân với số tiền là 25.000.000.000 VND từ Phải thu về cho vay ngắn hạn sang Phải thu về cho vay dài hạn do thời hạn vay trên một năm kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2016;
- (2) Công ty đã phân loại lại khoản đặt cọc mua cổ phần với số tiền là 14.400.000.000 VND từ Trả trước cho người bán ngắn hạn sang Phải thu ngắn hạn khác; và
- (3) Công ty đã phân loại lại khoản phải trả giá trị thi công các công trình xây dựng với số tiền là 59.148.499.908 VND từ Phải trả người bán dài hạn sang Phải trả người bán ngắn hạn.
- (4) Công ty đã bù trừ khoản tạm ứng trong khoản mục phải thu ngắn hạn khác và khoản phải trả trong khoản mục phải trả người bán ngắn hạn của cùng một đối tượng với số tiền là 3.176.601.476 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Mã số	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã được trình bày trước đây)		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã được phân loại lại)	
			Phân loại		
10	Tăng hàng tồn kho	79.813.236.535	80.396.068.091	160.209.304.626	
22	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	80.396.068.091	(80.396.068.091)	-	

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Kiều Thị Thu Trang
Người lập



Phan Tạ Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017